

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/HNGĐ-PT
Ngày: 08/6/2021
Về việc: “Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

- TNTHnh phân Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chinh;

Các thẩm phán: Bà Lê Thị Dung;

Bà Lê Thị Phương Thanh.

-Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lữ Thị Phương Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2021/HNGĐ-PT ngày 07 tháng 5 năm 2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2021/QĐ- PT ngày 23 tháng 5 năm 2021.

1. Nguyên đơn: Chị NTH, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn ĐT, xã TP, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh TĐM, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Tiểu khu 1, thị trấn TH, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa.

Người kháng cáo: Anh TĐM.

Tại phiên tòa: Có mặt chị NTH, anh TĐM.

NỘI DUNG VỤ ÁN

***Về hôn nhân:** Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 11/01/2021 và quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn chị NTH trình bày:

Chị NTH và anh TĐM kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 23/12/2015 tại Ủy ban nhân dân thị trấn VH, huyện TH, tỉnh Thanh Hoá.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, trong sinh hoạt gia đình thường xuyên cãi, chửi xúc phạm lẫn nhau, hai bên không quan tâm gì đến nhau. Tháng 11/2020 vợ chồng đã sống ly thân, hiện tại chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở

xã TP, huyện TH sinh sống. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung cũng đã mất, chị NTH đề nghị được ly hôn anh TĐM.

Tại bản tự khai ngày 21/01/2021 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh TĐM thống nhất về thời gian và điều kiện kết hôn như chị NTH khai trình.

Theo anh TĐM vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 6/2019 phát sinh mâu thuẫn, nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhất trong sinh hoạt gia đình, bản thân anh cũng chia sẻ trao đổi những khúc mắc để hai bên nhìn nhận điều chỉnh thiếu sót, nhưng chị NTH không có thiện chí cải thiện tình cảm mà tự ý dọn đồ và bế con về ngoại kể từ ngày 11/01/2021.

Anh TĐM xét thấy tình cảm đang còn nên không đồng ý ly hôn, nhưng nếu chị NTH đề anh nuôi con thì anh sẽ đồng ý ly hôn.

*** Về con chung:** Vợ chồng có 01 con chung là cháu TKL, sinh ngày 06/01/2017.

Ly hôn chị NTH yêu cầu trực tiếp nuôi con, yêu cầu anh TĐM cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi cháu TKL đủ 18 tuổi.

Anh TĐM cũng yêu cầu nuôi con không yêu cầu chị NTH cấp dưỡng.

***Về tài sản chung:** Chị NTH và anh TĐM không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản án sơ thẩm số 07/2021/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện TH đã Quyết định:

Áp dụng: khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về hôn nhân: Chị NTH được ly hôn anh TĐM.

- Về con chung: Giao cháu TKL, sinh ngày 06/01/2017 cho chị NTH trực tiếp nuôi dưỡng.

Buộc anh TĐM cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị NTH mỗi tháng 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm ngàn đồng*). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 4 năm 2021 cho đến khi cháu TKL tròn 18 tuổi.

Anh TĐM có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc các bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và giành quyền kháng cáo.

Ngày 12 tháng 4 năm 2021, anh TĐM có đơn kháng cáo với nội dung:

- Về hôn nhân: Anh không đồng ý ly hôn vì chưa giải quyết xong việc tranh chấp nuôi con giữa anh với chị NTH;

- Về con chung: Không đồng ý với bản án sơ thẩm giao cháu TKL cho chị NTH nuôi và buộc anh phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ

- Nếu Tòa án vẫn xử cho chị NTH nuôi con thì anh chỉ đồng ý chu cấp mỗi tháng 800.000đ, vì anh lao động tự do, hiện nay do dịch bệnh covid nên ảnh hưởng tới thu nhập của anh.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Chị NTH không rút đơn khởi kiện xin ly hôn, anh TĐM không rút kháng cáo, các bên chỉ thỏa thuận được một phần về mức cấp dưỡng nuôi con, cụ thể chị NTH đồng ý giảm mức đóng góp nuôi con chung cho anh TĐM từ 1.500.000đ/tháng xuống 1.000.000đ/tháng.

Kiểm sát viên VKSND tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 308, bác đơn kháng cáo của anh TĐM, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, anh TĐM nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm trong thời hạn quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của anh TĐM về phần quan hệ hôn nhân:

Chị NTH và anh TĐM kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị NTH vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ tháng 01/2019, nguyên nhân do tính tình không hợp, trong sinh hoạt thường xuyên cãi vã, chửi bới nhau; theo anh TĐM đến tháng 6/2019 vợ chồng mới phát sinh mâu thuẫn, nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ. Cả hai bên thừa nhận đến tháng 01/2021 chị NTH đã đưa con về nNTH bố mẹ đẻ ở và sống ly thân với anh TĐM từ đó cho đến nay.

Quá trình giải quyết, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến NTHnh hòa giải và giành thời gian dài cho hai bên có cơ hội suy nghĩ, đoàn tụ, tuy nhiên về phía chị NTH vẫn kiên quyết xin ly hôn, về phía anh TĐM cũng không có biện pháp gì thu xếp để NTHn gắn quan hệ tình cảm với chị NTH mà anh trình bày chỉ đồng ý ly hôn nếu chị NTH giao con cho anh nuôi. Bản thân anh TĐM không tha thiết níu kéo quan hệ hôn nhân với chị NTH và tại phiên tòa sơ thẩm anh cũng đồng ý giải quyết ly hôn.

Nhận thấy thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, tình cảm đôi bên không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị NTH được ly hôn anh TĐM là phù hợp.

Sau khi xử sơ thẩm, trong đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm, anh trình bày anh chưa đồng ý ly hôn chỉ vì chưa giải quyết được tranh chấp về việc nuôi con với chị NTH. Như vậy quan điểm về hôn nhân của anh TĐM là không rõ ràng, việc không đồng ý ly hôn không xuất phát từ tình cảm vợ chồng mà chỉ nhằm gây khó khăn cho chị NTH với điều kiện phải giao con cho anh nuôi thì anh mới

đồng ý. Do đó Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo của anh TĐM, giữ nguyên bản án sơ thẩm về việc xử cho chị NTH được ly hôn anh TĐM.

[2] Xét kháng cáo của anh TĐM về việc nuôi con chung:

Chị NTH và anh TĐM có 01 con chung là cháu TKL, sinh ngày 06/01/2017, chị NTH và anh TĐM đều yêu cầu được trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, đây là nguyện vọng chính đáng của cả hai bên đối với con.

Căn cứ thực tế kể từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu Khánh TKL đã ở với mẹ và ông bà ngoại, chị NTH làm nhân viên điều dưỡng tại Bệnh viện Đa khoa Đại An, chị có thu nhập ổn định 8.000.000đ/tháng, về phía anh TĐM là lao động tự do, không có công việc và thu nhập ổn định. Mặt khác, cháu TKL là con gái, hiện nay mới 04 tuổi chưa đủ điều kiện tự chăm sóc được bản thân, do đó Tòa án cấp sơ thẩm đã xử giao con cho chị NTH trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Trong đơn kháng cáo, anh TĐM cho rằng chị NTH đang ở cùng bố mẹ, anh trai, chị dâu nên bất tiện, nhưng theo chị NTH hiện tại điều kiện nhà cửa đất đai của bên ngoại rộng rãi, mẹ con chị có phòng ở và công trình vệ sinh riêng. Về phía anh TĐM cũng không đưa ra được căn cứ gì để chứng minh TĐM từ khi về ở với mẹ và ông bà ngoại, cháu TKL không được chăm sóc đầy đủ, không được phát triển bình thường về thể chất, tinh thần. Do đó Tòa án cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo của anh TĐM về việc giao con cho anh nuôi.

Khi có căn cứ chứng minh TĐM chị NTH không đủ điều kiện khả năng nuôi con, anh TĐM có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con trong vụ án khác.

[3] Về mức cấp dưỡng nuôi con chung: Theo bản án sơ thẩm buộc anh TĐM đóng góp nuôi con chung cùng chị NTH mỗi tháng 1.500.000đ kể từ tháng 4/2021 trở đi cho đến khi cháu TKL đủ 18 tuổi, anh TĐM kháng cáo không đồng ý với mức cấp dưỡng nêu trên vì anh làm lao động tự do, hiện tại do dịch bệnh covid ảnh hưởng tới thu nhập nên anh chỉ đồng ý cấp dưỡng 800.000đ/tháng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị NTH đồng ý giảm mức cấp dưỡng nuôi con chung cho anh TĐM từ 1.500.000đ xuống 1.000.000đ, anh TĐM cũng đồng ý.

Xét sự tự nguyện của chị NTH là phù hợp với điều kiện, khả năng của anh TĐM hiện đang làm lao động tự do, hiện nay do ảnh hưởng của dịch covid nên anh TĐM không có thu nhập ổn định, do đó nên chấp nhận sửa một phần bản án sơ thẩm về mức đóng góp nuôi con chung giữa anh TĐM với chị NTH.

[4] Về án phí: Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận một phần đơn kháng cáo, sửa một phần bản án sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con chung nên anh TĐM không phải nộp án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của anh TĐM, sửa một phần Bản án sơ thẩm số 07/2021/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện TH.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị NTH được ly hôn anh TĐM.

2. Về con chung: Công nhận cháu TKL, sinh ngày 06/01/2017 là con chung giữa chị NTH và anh TĐM.

+ Giao cháu TKL cho chị NTH trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh TĐM có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

+ Công nhận sự thỏa thuận của các bên tại phiên tòa phúc thẩm: Anh TĐM có nghĩa vụ đóng góp nuôi con chung cùng chị NTH mỗi tháng 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) kể từ tháng 4 năm 2021 cho đến khi cháu TKL đủ 18 tuổi.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc các bên, Tòa án có thể Quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con trong vụ án khác.

3. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án: Anh TĐM không phải nộp án phí ly hôn phúc thẩm, hoàn trả cho anh TĐM số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu số AA/2018/0007455 ngày 14/4/2021 của Chi cục Thi NTHnh án dân sự huyện TH.

Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Án xử công khai, phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại NTH Nội
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Phòng TC, TTr và TĐKT;
- VKSND huyện TH;
- TAND huyện TH;
- Chi cục THADS huyện TH;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Chinh